



jī ròu

肌肉

Noun · muscle

Example Sentences

wǒ de shǒu bì yǒu jī ròu

我的手臂有肌肉。

My arm has muscles.

tā měi tiān duàn liàn suǒ yǐ jī ròu hěn jiē shí

他每天锻炼，所以肌肉很结实。

He exercises every day, so his muscles are very firm.

wèi shén me jù liè yùn dòng hòu jī ròu huì gǎn dào suān tòng ne

为什么剧烈运动后，肌肉会感到酸痛呢？

Why do muscles feel sore after intense exercise?

Trace each character, then write the word on your own.

肌 肌 肌 肌 肌 肌 肌 肌 肌

肉 肉 肉 肉 肉 肉 肉 肉 肉